TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2024/HC-PT
Ngày: 24/01/2024
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Phan Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 630/2023/TLPT-HC ngày 08 tháng 9 năm 2023 về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 433/2024/QĐ-PT ngày 10 tháng 01 năm 2024 giữa:

**** Người khởi kiện:*** Ông Nguyễn Khắc T, sinh năm 1962; địa chỉ: Số D ngõ A phố B, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

2. Ủy ban nhân dân quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đàm Tiến T1 – Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Vũ Đức M – Phó giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất quận H. Có mặt.

* ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố H.

2. Ủy ban nhân dân thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Chủ tịch. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc V – Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất quận H. Có mặt.

4. Ủy ban nhân dân phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

5. Công ty cổ phần K;

Địa chỉ: Xã T, huyện T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung H – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

6. Công ty Trách nhiệm hữu hạn X;

Địa chỉ: Lô S khu đô thị Đ, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

7. Công ty Trách nhiệm hữu hạn K;

Địa chỉ: Số H, ngõ G, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Văn L – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. Vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Tuấn Đ1, sinh năm 1991; Vắng mặt.

9. Anh Nguyễn Minh H1, sinh năm 2001; Vắng mặt.

10. Bà Phạm Ngọc Y, sinh năm 1970; Vắng mặt.

11. Cháu Nguyễn Phạm Tuấn N, sinh năm 2009; *Người đại diện hợp pháp của cháu N:* Anh Nguyễn Tuấn Đ1. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: 4 ngõ A phố B, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Y, anh Đ1, anh H1: Ông Nguyễn Khắc T. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Nguyễn Khắc T trình bày:

Năm 1989, ông Nguyễn Khắc T và vợ là bà Nguyễn Thị Thu H2 nhận chuyển nhượng 01 nhà cấp 4 và 01 gian công trình phụ trên diện tích 60m^2 đất của bà Nguyễn Thị B và con trai Nguyễn Văn S ở xã Đ, huyện T (nay là phường Đ, quận H), thành phố Hà Nội, có lập Giấy biên nhận nhượng nhà ngày 17/02/1989 nhưng không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền.

Ngày 01/10/2002, Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố

Hà Nội ban hành Quyết định số 6682/QĐ-UB thu hồi 67.125m^2 đất tại các xã Đ, T do UBND các xã đang quản lý; tạm giao cho Công ty K để xác minh, lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 2,5 (đoạn Đ ra Quốc lộ A). Ngày 17/7/2003, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 4109/QĐ-UB điều chỉnh Quyết định số 6682/QĐ-UB với nội dung: Thu hồi 67.125m^2 đất tại các xã Đ, xã T, huyện T và phường K, quận T do UBND các xã và phường quản lý và một số hộ dân sử dụng làm nhà ở.

Ngày 04/9/2003, UBND phường Đ Biên bản điều tra, thống kê, kê khai đất thổ cư của gia đình ông Nguyễn Khắc T, cụ thể: Gia đình ông T bị thu hồi toàn bộ diện tích đang sử dụng 64,4m^2 đất tại thửa 407 tờ 07 trên có nhà 02 tầng xây dựng năm 2000, diện tích mặt sàn tầng 01 là 61,53m^2.

Năm 2004, bà H2 chết. Ngày 13/6/2006, Công an phường Đ có Giấy xác nhận nhân khẩu gia đình ông T có 03 nhân khẩu ăn ở thường xuyên tại địa chỉ giải phóng mặt bằng là ông T và 02 con. Ngày 20/3/2009, ông T kết hôn với bà Phạm Ngọc Y. Ngày 29/10/2009, ông T, bà Y sinh con chung là Nguyễn Phạm Tuấn N.

Ngày 07/9/2009, UBND thành phố H ban hành Văn bản số 8622/UBND-TNMT với nội dung: Dự án xây dựng tuyến đường vành đai 2,5 (đoạn Đ ra Quốc lộ A) đã được UBND thành phố H quyết định thu hồi và tạm giao cho Công ty K (nay là Công ty cổ phần K) tại Quyết định số 6682/QĐ-UB ngày 01/10/2002. Cho tới nay, việc tạm giao đất không còn phù hợp với các quy định của Luật đất đai năm 2003; dự án đã quá 07 năm chưa hoàn thiện để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ngày 06/4/2010, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 1555/QĐ-UBND thu hồi 67.125m^2 đất tại phường Đ, phường T (quận H), phường K (quận T) do Công ty cổ phần K quản lý theo Quyết định số 6682/QĐ-UB ngày 01/10/2010 nhưng chưa thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất và quản lý duy tu hạ tầng đô thị quận H thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng chuẩn bị thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai 2,5.

Ngày 08/7/2010, UBND quận H ban hành Quyết định số 1606/QĐ-UBND thu hồi 64,4m^2 đất của hộ ông Nguyễn Khắc T. Ngày 12/10/2010, UBND quận H ban hành Quyết định số 3087/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, theo đó: Hộ ông Nguyễn Khắc T được bồi thường 60m^2 đất ở giá 20.400.000đ nhân hệ số K=l,6 lần; diện tích 4,4m^2 là đất công không được bồi thường, hỗ trợ; Bồi thường nhà, công trình, vật kiến trúc với tỷ lệ 100%; Hỗ trợ di chuyển chỗ ở 3.000.000đ; hỗ trợ ổn định đời sống cho 03 người trong 06 tháng với giá 330.000đ/tháng/người; hỗ trợ thuê nhà tạm cư sẽ phê duyệt bổ sung sau; hỗ trợ di chuyển điện thoại cố định 300.000đ; hỗ trợ di chuyển công tơ điện 680.000đ, hỗ trợ di chuyển đồng hồ nước 200.000đ; thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng sẽ chi trả theo tiến độ khi các hộ bàn giao mặt bằng theo kế hoạch phê duyệt của UBND quận; được mua 01 căn hộ tái định cư. Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ

được nhận là 2.186.677.708đ.

Ngày 31/3/2017, UBND quận H ban hành Quyết định số 1290/QĐ-UBND phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư số 1101 Đơn nguyên 3 Nhà X1 lô OCT1 Khu đô thị B mở rộng, diện tích sử dụng 59,41m^2. Ngày 08/6/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3496/QD-UBND bán 20 căn hộ tái định cư tại nhà Đ1, Đ2 và Đ3 thuộc lô OCT1 Điểm X1 khu đô thị B mở rộng cho 20 hộ gia đình trong đó có hộ ông Nguyễn Khắc T được tái định cư căn hộ 1101 diện tích sử dụng 59,41m^2.

Ngày 05/7/2019, UBND thành phố H ban hành Văn bản số 6191/VP-GPMB chấp thuận Tờ trình số 131/TTr ngày 31/5/2019 của Liên ngành quận H đề nghị đổi cho hộ ông T căn hộ tái định cư có diện tích 75,83m^2 do hộ gia đình ông T có 05 nhân khẩu ăn ở thường xuyên tại địa chỉ giải phóng mặt bằng trong đó có 02 nhân khẩu phát sinh cơ học từ năm 2009. Ngày 13/11/2019, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 6561/QĐ-UBND thu hồi 02 căn hộ đã bán tại Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND thành phố và bán 02 căn hộ tại đơn nguyên ĐN2 nhà OCT1 điểm X1 Khu đô thị B mở rộng cho 02 hộ gia đình ở tại phường Đ, trong đó có hộ ông T, cụ thể: Thu hồi căn hộ số 1101 tại ĐN3 lô OCT1 điểm X1 khu đô thị B mở rộng đã bán cho hộ gia đình ông T - số thứ tự thứ 10 tại phụ lục kèm theo Quyết định số 3496/QĐ-UBND ngày 08/6/2017 của UBND thành phố H. Bán căn hộ 1103 đơn nguyên ĐN2 nhà OCT1 điểm X1 khu đô thị B mở rộng, diện tích sử dụng 75.83m^2.

Ngày 11/04/2018, Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 1547/QĐ-UBND cưỡng chế thu hồi đất.

Không đồng ý về việc cưỡng chế thu hồi đất, ông T khiếu nại. Ngày 26/9/2018, Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 5785/QĐ- UBND giải quyết khiếu nại lần đầu với nội dung giữ nguyên Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/04/2018.

Ông T tiếp tục khiếu nại. Ngày 06/6/2019, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3005/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên Quyết định số 5785/QĐ-UBND ngày 26/9/2018.

Ngày 27/11/2019, hộ gia đình ông T đã nhận số tiền 2.186.677.708đ và ký biên bản bàn giao mặt bằng. UBND quận H không tổ chức thực hiện Quyết định cưỡng chế thu hồi đất đối với hộ gia đình ông T.

Ông T khởi kiện ra Tòa án, tại đơn khởi kiện ngày 21/02/2020 ông T yêu cầu: Hủy Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; hủy Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất với lý do:

- UBND quận H không lấy ý kiến của những hộ có đất bị thu hồi; không lập biên bản niêm yết có xác nhận của đại diện UBND phường, đại diện Uỷ ban

mặt trận tổ quốc và đại diện những hộ có đất bị thu hồi theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

- UBND quận lập và ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường khi chưa có phương án tái định cư là vi phạm Điều 34, Điều 35 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 (Ngày 16/3/2016 Sở xây dựng mới có thông báo về vị trí diện tích các căn hộ tái định cư; ngày 24/3/2016 UBND thành phố H mới ban hành Văn bản 1944/UBND-XDGT chấp thuận nguyên tắc cho phép UBND quận H và Công ty X được sử dụng quỹ nhà tái định cư tại lô OTC1 theo hình thức hợp đồng xây dựng chuyển giao BT; ngày 17/4/2016 Hội đồng bồi thường mới có kế hoạch bốc thăm căn hộ tái định cư trong đó có gia đình ông T).

- Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 ban hành căn cứ vào Biên bản kiểm đếm năm 2003 là không đủ căn cứ hợp pháp và không phù hợp với thực tế vì sau 7 năm đã có sự biến động về tài sản và nhân khẩu (cụ thể gia đình đã tăng nhân khẩu từ 03 lên 05 người).

- Diện tích được bồi thường 60m^2 là không đủ vì từ năm 1989 nhận chuyển nhượng của ông Hoàng Văn S1 là 64,4m^2 đất thổ cư, đóng thuế đầy đủ, không thay đổi mốc giới, không có tranh chấp. Tại Biên bản điều tra, thống kê, kê khai đất thổ cư lập ngày 04/9/2003 của UBND phường Đ đã xác nhận diện tích 64,4m^2. Căn cứ điểm c khoản 4 Điều 95 Luật đất đai 2013, ông T có quyền đăng ký biến động, bổ sung diện tích tăng do phương tiện và cách đo giữa trước và nay. Nếu UBND quận H cho rằng 4,4m^2 là đất công thì phải chứng minh.

- UBND quận H không giao cho gia đình bản chính Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 mà chỉ giao bản phô tô là không đảm bảo hiệu lực thực thi.

- Trước khi thu hồi đất, UBND quận H không thông báo thu hồi đất theo quy định tại Điều 39 Luật đất đai 2003. Mặt khác, Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 không có cơ sở pháp lý nên không có căn cứ hợp pháp để ban hành Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/04/2018.

Người bị kiện là Chủ tịch và UBND quận H trình bày:

UBND quận H và Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Quyết định số 1547/QĐ-CTUBND ngày 11/4/2018 cưỡng chế thu hồi đất và Quyết định số 5787/QĐ-CTUBND giải quyết khiếu nại là đúng quy định của phát luật. Ngày 06/6/2019, UBND thành phố H cũng đã ban hành Quyết định 3005/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai với nội dung giữ nguyên Quyết định số 5787/QĐ-CTUBND ngày 26/9/2018. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch và UBND thành phố H trình bày: Quyết định số 3005/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai là đúng quy định của pháp luật nên không có ý kiến gì khác về quyết định này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất quận H trình bày: Việc bồi thường, hỗ trợ đối với 60m^2 đất là theo Văn bản 4379/UBND-TNMT ngày 15/6/2010 của UBND thành phố H chấp thuận nội dung đề xuất của Sở T2 và UBND quận H tại Tờ trình số 2125/TTrLN-STC-QLCS ngày 21/5/2010; diện tích 4,4m^2 đất công không bồi thường, hỗ trợ theo Điều 9 và Điều 53 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H. Ngày 31/3/2017, UBND quận H đã ban hành Quyết định số 1290/QĐ-UBND phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư đối với hộ gia đình ông T tại căn hộ S Đơn nguyên C - Nhà X1 lô OCT1 khu đô thị B mở rộng. Ngày 08/6/2017, UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3496/QĐ-UBND về việc bán 20 căn hộ tại nhà ĐN1, ĐN2 và ĐN3 thuộc lô OCT1 điểm X1 khu đô thị B mở rộng trong đó có căn hộ tái định cư của hộ gia đình ông T. Tuy nhiên, sau khi giao Quyết định bán nhà của UBND thành phố, hộ gia đình ông T không phối hợp nhận nhà, có ý kiến gia đình bị thu hồi diện tích đất rộng, được bố trí căn hộ tái định cư nhỏ nên không đảm bảo được cuộc sống. UBND quận H đã có Báo cáo số 2040/UBND-TTPTQĐ ngày 27/8/2018, trong đó có nội dung đổi vị trí nhà tái định cư lớn hơn cho hộ gia đình ông T. UBND thành phố ban hành Văn bản số 6191/VP-GPMB ngày 05/7/2019 chấp thuận đề xuất của Liên ngành tại Tờ trình số 131/TTr- SXD-UBND ngày 31/5/2019 và đổi cho hộ ông T từ căn hộ số 1101 diện tích 59,41m^2 Đơn nguyên C - Nhà X1 lô OCT1 khu đô thị B mở rộng thành căn hộ 1103 diện tích 75,83m^2 Đơn nguyên B - Nhà OCT1 khu đô thị B.

Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Ngày 11/11/2010, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quận H đã ban hành Kế hoạch số 31/KH-GPMB tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng đối với 18 hộ đất ở tại phường Đ trong đó có hộ ông T. Ngày 16/11/2010 và ngày 17/11/2010, Công ty cổ phần K đã chuyển tiền bồi thường, hỗ trợ vào tài khoản của Trung tâm phát triển quỹ đất và Quản lý duy tu hạ tầng đô thị quận H tại K quận H để chi trả cho các hộ. UBND phường Định Công ban hành các Thông báo số 17/TB-UBND ngày 27/01/2011; Thông báo số 119/TB-UBND ngày 12/9/2011; Thông báo số 156/TB-UBND ngày 03/11/2011 về việc tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 18 hộ gia đình, cá nhân đất ở trong đó có hộ gia đình ông T. Tuy nhiên sau nhiều lần tổ chức chi trả tiền, ông T vẫn không nhận tiền và bàn giao mặt bằng. Ngày 27/11/2019, hộ gia đình ông T đã nhận tiền và ký biên bản giao mặt bằng cho dự án. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND phường Định Công trình bày: UBND phường Định Công lập Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất và diện tích đất biến động của ông T căn cứ vào Bản đồ đo đạc năm 1990 (hệ 299) và sổ địa chính lập năm 1995, ông T là chủ sử dụng của thửa đất số 16 tờ bản đồ số 12 với diện 60m^2, nguồn gốc là mua của ông S1 năm 1990, mục đích sử dụng là đất ở. Tương ứng vị trí thửa đất theo bản đồ năm 1996 thuộc thửa đất số 27 tờ bản đồ số 37 diện tích 60m^2. Theo bản đồ GPMB thuộc thửa đất số 407 tờ bản đồ số 07 với diện tích sử dụng là 64,4m^2. Diện tích nằm trong chỉ giới GPMB là 64,4m^2

trong đó có 60m^2 là đất ở và 4,4m^2 là đất công.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH X và Công ty TNHH K giao nộp tài liệu chứng cứ nhưng không có quan điểm, ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty cổ phần K không có quan điểm ý kiến, không giao nộp tài liệu, chứng cứ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2022/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015; Luật đất đai năm 2003; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 90-CP ngày 17/8/1994, Nghị định số 22/1998/NĐ-CP ngày 24/4/1998, Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007, Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Thông tư số 14/2009/TT-BTNM ngày 01/10/2009; Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc T.

1. Tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của Ủy ban nhân dân quận H về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ ông Nguyễn Khắc T tại phường Đ để thực hiện GPMB dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 2,5 (đoạn từ Đầm Hồng đến Quốc lộ A).

2. Buộc Ủy ban nhân dân quận H ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khác đúng quy định của pháp luật thay thế cho Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 trái pháp luật đã bị hủy.

3. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc T đối với Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/04/2018 của Chủ tịch UBND quận H về việc cưỡng chế thu hồi đất do rút yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người bị kiện vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm: Sau khi phân tích tài liệu có trong hồ sơ thì thấy Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đề nghị tuyên hủy toàn bộ Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ông Nguyễn Khắc T khởi kiện Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H; Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND quận H là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Do không đồng ý với Quyết định số 1547/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND quận H nên ông Nguyễn Khắc T có đơn khiếu nại. Ngày 26/9/2018, Chủ tịch UBND quận H ban hành Quyết định số 5785/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Ông Nguyễn Khắc T tiếp tục khiếu nại. Ngày 06/6/2019, Chủ tịch UBND thành phố H ban hành Quyết định số 3005/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Khắc T.

Như vậy, Toà án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015; xem xét đồng thời tính hợp pháp của quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND quận H về việc thu hồi đất, Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận H, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố H là đúng quy định tại Điều 6 Luật tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Khắc T đã rút yêu cầu khởi kiện đối với Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND quận H. Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện, đồng thời không tiếp tục xem xét, giải quyết Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND quận H, Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND thành phố H là phù hợp quy định tại Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch và UBND quận H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hoặc đã được triệu tập hợp lệ 02 lần hoặc có mặt đại diện theo ủy quyền, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Xét Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND quận H về việc thu hồi đất; Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H về việc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông T, HĐXX thấy:

[2.1.1]. Trước khi thu hồi đất của hộ ông Nguyễn Khắc T, UBND quận H không ban hành thông báo thu hồi đất cho hộ ông T là không đúng quy định tại Điều 28 Luật đất đai năm 1993; Điều 29 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009, Điều 26 Thông tư 14/2009/TT-BTNM ngày 01/10/2009; Điều 49 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H.

Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 30/5/2003, Biên bản điều tra, thống kê, kê khai đất thổ cư ngày 04/9/2003, Biên bản làm việc ngày 03/8/2008, Xác nhận về loại đất ngày 06/6/2009 của UBND phường Đ; Giấy xác nhận nhân khẩu ngày 13/6/2006 của Công an phường Đ đối với hộ ông T đều được thực hiện trước khi có Quyết định số 637/QĐ-UBND và Quyết định số 638/QĐ-UBND cùng ngày 22/4/2010 của UBND quận H về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và thành lập Tổ công tác giải phóng mặt bằng phường Định Công là không đúng quy định tại Điều 53 Quyết định số 108/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H nên không hợp lệ, không được sử dụng làm căn cứ để thực hiện thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình bị thu hồi đất.

UBND quận H ban hành Quyết định 1606/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông T căn cứ vào Quyết định thu hồi đất 1555/QĐ-UBND ngày 06/4/2010 của UBND thành phố H trong khi các trình tự, thủ tục thu hồi đất của ông T lại được UBND quận H tiến hành căn cứ vào Quyết định thu hồi đất số 6682/QĐ-UB ngày 01/10/2002 của UBND thành phố H. Như vậy, khi ban hành Quyết định 1606/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông T theo Quyết định thu hồi đất 1555/QĐ-UBND ngày 06/4/2010 của UBND thành phố H thì UBND quận H không thực hiện lại việc kê khai và tổ chức điều tra lại hiện trạng, xác minh nội dung kê khai theo quy định của Luật đất đai năm 2003, Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP, Điều 53 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H mà vẫn sử dụng các tài liệu cũ được thực hiện theo Quyết định số 6682/QĐ-UB ngày 01/10/2002 của UBND thành phố H và Luật đất đai năm 1993 đã không còn hiệu lực là không phù hợp quy định pháp luật.

[2.1.2]. Tại Văn bản số 247/UBND ngày 13/6/2022, UBND phường Đ xác định hiện đang quản lý, lưu giữ Bản đồ đo đạc năm 1990 được xác nhận năm 1992 (bản chính, có dấu mực xanh), sổ địa chính lập năm 1995 (bản phô tô), bản đồ đo đạc hiện trạng năm 1996 (bản chính), Bản đồ giải phóng mặt bằng. Căn cứ vào Bản đồ đo đạc năm 1990, Sổ địa chính năm 1995, ông T là chủ sử dụng thửa đất

số 16, tờ bản đồ 12, diện tích 60m^2, nguồn gốc mua của ông S1 năm 1990, mục đích sử dụng là đất ở; Theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 1996 là thửa đất số 27, tờ bản đồ 37, diện tích 60m^2; Theo bản đồ giải phóng mặt bằng, thửa đất ông T sử dụng thuộc thửa đất số 407, tờ bản đồ 07, diện tích 64,4m^2. Năm 2003, ông T đóng thuế đất diện tích 60m^2; từ năm 2008 đến năm 2011 ông T đóng thuế đất diện tích 65m^2. Điều này thể hiện trước khi đo đạc kiểm đếm năm 2003 ông T vẫn đóng thuế theo diện tích ghi trên giấy tờ nhận chuyển nhượng; sau năm 2003 khi biết diện tích đất thực tế sử dụng là 64,4m^2 thì ông T đóng thuế với diện tích 65m^2 là phù hợp với diễn biến khách quan của sự việc. Tại các Bản đồ đều thể hiện trên thửa đất của gia đình ông T đã có nhà ở. Theo Biên bản điều tra ngày 04/9/2003, trên đất có nhà 02 tầng xây dựng năm 2000 với diện tích tầng 1 là 61.53m^2, không có tài liệu nào về việc ông T bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý về việc xây nhà lấn chiếm đất công. Quá trình sử dụng gia đình ông T cũng không có tranh chấp về mốc giới với các hộ liền kề. Như vậy, với các tài liệu, chứng cứ kể trên, việc UBND phường Đ Xác nhận ngày 06/6/2009 với nội dung trong 64,4m^2 đất gia đình ông T đang sử dụng thì chỉ có 60m^2 là đất ở, còn 4,4m^2 là đất công là không phù hợp; Diện tích đất gia đình ông T sử dụng bị thu hồi không có nguồn gốc là đất công mà là đất ở đã được UBND xã xác nhận là có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Chỉ có diện tích thực tế nhiều hơn so với diện tích trên giấy thì cần phải xác định diện tích chênh lệch thuộc trường hợp nào trong các trường hợp quy định tại Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP và Điều 20 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 mới phù hợp quy định pháp luật; Theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP và Điều 20 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H, trường hợp thu hồi đất mà diện tích đo đạc thực tế khác với diện tích ghi trên giấy tờ về quyền sử dụng đất do việc đo đạc trước đây thiếu chính xác hoặc do khi kê khai đăng ký trước đây người sử dụng đất không kê khai hết diện tích nhưng toàn bộ ranh giới thửa đất đã được xác định, đất đã sử dụng ổn định, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề, không do lấn, chiếm, chuyển mục đích trái pháp luật thì bồi thường theo diện tích đo đạc thực tế.

Như vậy, việc UBND quận H chỉ bồi thường về đất với diện tích 60m^2 đất là không phù hợp với tài liệu, hồ sơ địa chính được lưu trữ tại địa phương cũng như không phù hợp quy định pháp luật.

[2.1.3]. Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thiếu 02 nhân khẩu trong hộ gia đình ông T do hộ ông T có số lượng nhân khẩu tăng thêm từ năm 2009 là do ông T lấy vợ mới (bà Y) và cháu N (con của ông T). Tờ trình số 131/TTr ngày 31/5/2019 của Liên ngành quận H xác định hộ ông tuấn tăng nhân khẩu cơ học do con ông T lập gia đình là không hoàn toàn đúng.

[2.1.4]. Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H chỉ có nội dung "Bán 01 căn hộ" mà không có nội dung về diện tích căn hộ được bố trí tái định cư, số tiền mua nhà của hộ ông T là không đúng quy định tại

Điều 54 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H. Theo Quyết định số 3087/QĐ-UBND, căn hộ tái định cư của hộ ông T thuộc Chung cư lô 26A và 27, khu B.NO Dự án khu đô thị M - Định Công mở rộng, được UBND thành phố H bố trí địa điểm và phê duyệt giá bán căn hộ tái định cư tại Quyết định số 3534/QĐ-STC ngày 03/8/2010, Văn bản số 1329/UB-NNDC ngày 04/4/2006 và Văn bản số 2796/UBND-GT ngày 06/11/2008. Nhưng đến ngày 15/9/2011 UBND quận H mới ban hành Quyết định 9248/QĐ-UBND về việc ban hành quy chế bắt thăm căn hộ tái định cư; UBND thành phố H mới có Văn bản 1944/UBND-XDGT ngày 24/3/2015 chấp thuận nguyên tắc cho phép UBND quận H và Công ty X được sử dụng quỹ nhà tái định cư tại lô OTC1 Khu nhà ở B mở rộng để bố trí tái định cư; Sở xây dựng mới có Văn bản 1825/SXD-PTN ngày 16/3/2016 thông báo cho UBND quận H vị trí diện tích các căn hộ tái định cư; Sở Xây dựng mới có Quyết định 84/QĐ-SXD ngày 13/02/2017 phê duyệt giá bán nhà tái định cư năm 2010 đối với nhà ĐN1 và ĐN3 thuộc lô OCT1 - Điểm XI Khu đô thị Bắc Linh Đ. Như vậy, UBND quận H đã thực hiện không đúng quy định tại Điều 34 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004, Điều 30 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và các Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57 Quyết định số 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H khi ban hành Quyết định số 3087/QĐ-UBND mà chưa lập, phê duyệt phương án tái định cư; địa điểm khu tái định cư trong Quyết định 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 và Kế hoạch số 31 ngày 11/11/2010 khác với địa điểm căn hộ tái định cư tại Quyết định số 1290/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND quận H về việc phê duyệt kết quả bắt thăm căn hộ tái định cư đối với hộ ông T.

[2.1.5]. Về việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ: Theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Quyết định 108/2009/QĐ-UBND ngày 29/9/2009 của UBND thành phố H thì: *"Trường hợp chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bố trí tái định cư do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư gây ra, nếu giá đất tại thời điểm thực tế chi trả cao hơn mức giá đã áp dụng thì điều chỉnh lại phương án bồi thường, hỗ trợ theo giá điều chỉnh"*. Như vậy, với việc UBND quận H chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông T thì phải có trách nhiệm bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và chậm bố trí tái định cư cho hộ gia đình ông T.

Căn cứ Quyết định số 2536/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố H phê quyệt hệ số điều chỉnh giá đất cụ thể làm căn cứ bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường 2,5 đoạn từ Đ - Quốc lộ A tại phường Đ thì vị trí 1 đường Định Công có hệ số điều chỉnh là 1,87 lần so với giá đất ở quy định tại Quyết định 96/2014/QĐ-UBND ngày 29/12/2014 của UBND thành phố H, tương ứng với giá đất là 48.620.000đ/m^2. Theo Thông báo số 219/TB-VP ngày 21 /9/2017 của UBND thành phố H và Tờ trình số 5273/TTrLN ngày 04/7/2017 của UBND quận H thì các trường hợp phê duyệt phương án bồi thường từ năm 2010, 2011 nhưng chưa chi trả tiền bồi thường do lỗi của cơ quan, tổ chức có trách nhiệm chi trả thì

được bồi thường theo đơn giá nêu trên. Như vậy, UBND quận H không điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 2436/QĐ-UBND ngày 18/5/2016 của UBND thành phố H cho hộ gia đình ông T là không phù hợp quy định pháp luật.

Ngoài ra, trường hợp hộ gia đình ông T có yêu cầu thì UBND quận H còn phải thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật đất đai năm 2013.

Như vậy, từ những phân tích, nhận định nêu trên thấy rằng mặc dù Quyết định số 1606/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND quận H về việc thu hồi đất có vi phạm về trình tự, thủ tục thu hồi đất nhưng người khởi kiện không khởi kiện Quyết định thu hồi đất nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên, đối với Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 12/10/2010 của UBND quận H về việc duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với hộ gia đình ông T có một số vi phạm về nội dung nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Khắc T, hủy toàn bộ Quyết định số 3087/QĐ-UBND của UBND quận H và buộc UBND quận H ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khác đúng quy định của pháp luật thay thế cho Quyết định số 3087/QĐ-UBND là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2]. Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND quận H do người khởi kiện đã rút yêu cầu này, nên mặc dù Quyết định 5785/QĐ-UBND ngày 26/9/2018 của Chủ tịch UBND quận H về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Quyết định số 3005/QĐ-UBND ngày 06/6/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H về việc giải quyết khiếu nại lần hai có nội dung xác minh, xem xét, kết luận các vấn đề ông T khiếu nại và giữ nguyên Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 11/4/2018 của Chủ tịch UBND quận H; Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không tiếp tục xem xét tính hợp pháp của các Quyết định giải quyết khiếu nại là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo là Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội không chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc bác kháng cáo của Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội; Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 97/2022/HC-ST ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0001589 ngày 03/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Xác nhận Trung tâm phát triển quỹ đất quận H, thành phố Hà Nội thi hành xong án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

- Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, phòng HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển